

**SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYẾN**

KẾ HOẠCH BÀI DẠY



Môn: Giáo dục Quốc phòng – An ninh – Lớp 11

**Bài 1: Bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia nước
CHXHCNVN**

Nguồn sách: Kết nối tri thức với cuộc sống (NXB-GDVN)

Năm học: 2026 – 2027

Giáo viên: Phạm Thị Chín

Đà Nẵng, tháng 9 năm 2026

SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYẾN

PHÊ DUYỆT

Ngày tháng năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Môn: Giáo dục Quốc phòng – An ninh – Lớp 11

**Bài 1: Bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia nước
CHXHCNVN**

Nguồn sách: Kết nối tri thức với cuộc sống (NXB-GDVN)

Năm học: 2026 – 2027

Tổ trưởng chuyên môn

Người thực hiện

Nguyễn Duy Thân

Phạm Thị Chín

Đà Nẵng, tháng 9 năm 2026

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Bài 1: Bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia nước CHXHCNVN

Thời gian thực hiện: 2 tiết lý thuyết (1 tiết/tuần)

KẾ HOẠCH SỐ 1

(Tiết PPCT 1)

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

- HS nêu được những nội dung cơ bản của chiến lược bảo vệ Tổ quốc VNXHCN trong tình hình mới.
- HS hiểu được một số nội dung về chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia nước CHXHCNVN

2. Về năng lực

- Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp.

- Năng lực số:

- Giải thích được nhu cầu thông tin, thực hiện tìm kiếm để tìm dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số về chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia. (1.1.NC1a)

- Thực hiện phân tích, so sánh, đánh giá được độ tin cậy và độ chính xác của các nguồn dữ liệu, thông tin và nội dung số đã được tổ chức rõ ràng về chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia. (1.2.NC1a)

- Xác định được các công nghệ số rõ ràng và thích hợp để tự mình trang bị và tham gia vào xã hội như một công dân trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia. (2.3.NC1b)

- Chỉ ra được cách tạo và chỉnh sửa nội dung có khái niệm cụ thể và mang tính phổ thông bằng những định dạng rõ ràng, phổ biến (bài trình chiếu, infographic) để thể hiện hiểu biết về chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia. (3.1.NC1a)

- Chỉ ra được những nhu cầu được xác định rõ ràng và thường xuyên trong việc tìm hiểu và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia, đồng thời lựa chọn công cụ số phù hợp để giải quyết. (5.2.NC1a)

- Mục tiêu tích hợp Năng lực Trí tuệ nhân tạo (AI):

- 11.A1.2 **Phân tích được các trường hợp thực tế để thấy được tầm quan trọng của việc sử dụng AI để nâng cao năng lực của con người mà vẫn đảm bảo sự kiểm soát của con người khi kiểm chứng thông tin về bảo vệ Tổ quốc.**

- 11.C2.1 **Trình bày được cách AI hỗ trợ quá trình học tập, tra cứu và tóm tắt học liệu quốc phòng an ninh.**

- Năng lực chuyên biệt:

- Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong công cuộc **bảo vệ Tổ quốc.**

3. Về phẩm chất

- Thông qua bài học, HS hiểu và có trách nhiệm với việc bảo vệ Tổ quốc VNXHCN.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên: Giáo án, các tư liệu liên quan bài học.

2. Đối với học sinh: Sách, vở, viết

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Khởi động		
1. Mục tiêu: - HS hiểu được những lời căn dặn quý báu của Bác đối với quân và dân ta trong những năm chiến tranh gian khổ.		
2. Nội dung: - Xem hình (1.1 – SGK trang 5), Ngày 19/9/1954, trong buổi nói chuyện với cán bộ, chiến sĩ quân Tiên phong tại Đền Giềng, Bác Hồ đã căn dặn những gì?		
Hoạt động dạy & học		Dự kiến sản phẩm
Giáo viên	Học sinh	
1 Chuyển giao n/vụ học tập - GV biên chế lớp thành 4 nhóm/tổ để sinh hoạt, thảo luận, phát biểu theo nhóm/tổ. - Câu 1: Ngày 19/9/1954, trong buổi nói chuyện với cán bộ, chiến sĩ quân Tiên phong tại Đền Hùng, Bác Hồ đã căn dặn những gì? 4 Kết luận, nhận định - GV nhận xét các thảo luận của HS và kết luận vấn đề.	2 Thực hiện n/vụ học tập - Các nhóm trưởng chỉ huy nhóm/tổ sinh hoạt theo từng chủ đề GV đưa ra. 3 Báo cáo, thảo luận. - Sau khi thảo luận, các nhóm/tổ cử đại diện phát biểu theo yêu cầu của GV	- Sau khi thảo luận và phát biểu ý kiến của nhóm/tổ, GV nhận xét và  kết luận các vấn đề; HS hiểu nội dung (câu hỏi) bài học. Câu 1: Bác Hồ đã căn dặn: “Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải có công giữ nước”
Hoạt động 2: Khám phá		
1. Mục tiêu: -- HS tìm hiểu khái niệm, mục tiêu và các quan điểm chỉ đạo của Đảng về chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới . - <u>Giải thích được nhu cầu thông tin và thực hiện tìm kiếm nâng cao để truy xuất dữ liệu, thông tin về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc.</u> (1.1.NC1a) - <u>Phân tích, so sánh, đánh giá độ tin cậy của các nguồn dữ liệu số thu thập được.</u> (1.2.NC1a)		

- Xác định công nghệ số thích hợp để thực hiện trách nhiệm công dân. (2.3.NC1b)
- Tạo và chỉnh sửa bài trình chiếu hoặc infographic để thể hiện hiểu biết môn học. (3.1.NC1a)
- Lựa chọn công cụ số phù hợp để giải quyết nhu cầu học tập. (5.2.NC1a)
- **Sử dụng công cụ AI hỗ trợ học tập và phân tích tầm quan trọng của việc kiểm soát AI để đảm bảo tính chính xác thông tin quốc phòng.**

2. Nội dung:

- Nội dung cơ bản của chiến lược bảo vệ Tổ quốc VNXHCN trong tình hình mới.
- Một số nội dung về chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia nước CHXHCNVN

Hoạt động dạy & học		Dự kiến sản phẩm
Giáo viên	Học sinh	
1 <i>Chuyển giao n/vụ học tập</i> - GV: <i>Hãy cho biết mục tiêu của chiến lược bảo vệ Tổ quốc VNXHCN là gì?</i> -GV hướng dẫn HS: <i>Sử dụng kỹ thuật tìm kiếm nâng cao (sử dụng từ khóa trong dấu ngoặc kép, tìm kiếm theo tên miền chính thống .gov.vn hoặc chinhphu.vn) để truy xuất chính xác các văn bản về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ hoặc Bộ Quốc phòng (1.1.NC1a).</i> -GV hướng dẫn HS: Trình bày cách sử dụng công cụ AI (như ChatGPT, Gemini) để hỗ trợ tóm tắt tài liệu	2 <i>Thực hiện n/vụ học tập</i> - Các nhóm/tổ (xem SGK trang 5) thảo luận để hoàn thành bài tập do GV đưa ra. -Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ, đọc SGK và <u>thực hiện phân tích, so sánh, đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các nguồn dữ liệu, thông tin số thu thập được về bảo vệ Tổ quốc (1.2.NC1a).</u> - Các nhóm <u>xác định công nghệ số thích hợp (như Canva, Google Slides) để biên soạn nội dung tóm tắt kết quả thảo luận (2.3.NC1b) và lựa chọn công cụ số phù hợp để giải quyết nhu cầu tìm hiểu</u>	I. Nội dung cơ bản của chiến lược bảo vệ Tổ quốc VNXHCN. 1. Mục tiêu - Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc. - Bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân, chế độ XHCN, nền văn hóa và lợi ích dân tộc. - Giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia. - Xây dựng xã hội trật tự, kỉ cương, an toàn, lành mạnh để phát triển đất nước theo định hướng XHCN.

quốc phòng an ninh, đồng thời phân tích trường hợp thực tế để thấy rõ tầm quan trọng của việc con người kiểm soát thông tin do AI tạo ra nhằm đảm bảo an toàn và chính xác.	(5.2.NC1a).	
- GV: <i>Hãy cho biết quan điểm của chiến lược bảo vệ Tổ quốc VNXHCN là gì?</i>	- Các nhóm/tổ (xem SGK trang 6) thảo luận để hoàn thành bài tập do GV đưa ra. - Đối với câu hỏi này, yêu cầu HS tập trung liệt kê các quan điểm sau: + Các nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ TQ + Các yếu tố cần xây dựng tạo nên sức mạnh ... + Quán triệt đường lối độc lập .. + Nhận diện bạn để hợp tác quốc tế.	2. Quan điểm - Đảng lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt. - Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. - Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ: Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. - Xây dựng sức mạnh tổng hợp của đất nước về: Chính trị, tư tưởng, kinh tế, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. - Quán triệt đường lối độc lập, tự chủ đồng thời chủ động hội nhập quốc tế. - Vận dụng đúng đắn quan điểm về đối tác, đối tượng.
- GV: <i>Hãy cho biết khái niệm về chủ quyền lãnh thổ nước CHXHCNVN?</i> - <i>Sử dụng các công cụ AI (như ChatGPT, Gemini) để tóm tắt các nội dung chính của Công ước Liên hợp quốc về Luật biển 1982 và Luật biển Việt Nam, sau đó thực hiện đối chiếu chéo các kết quả do hệ thống AI sinh ra</i>	- Các nhóm/tổ (xem SGK trang 6) thảo luận để hoàn thành bài tập do GV đưa ra. - Học sinh trình bày câu trả lời, có thể sử dụng các công cụ chú thích ảnh hoặc bản đồ trực tuyến để chỉ rõ các khu vực lãnh thổ, biên giới quốc gia (3.1.CB2a).	II. Một số nội dung về chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia nước CHXHCNVN 1. Chủ quyền lãnh thổ. - “Nước CHXHCNVN là một nước độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời”

với văn bản pháp luật gốc dưới sự kiểm soát chặt chẽ của tư duy phản biện để đánh giá tính chính xác. (11.A1.2)		
- GV: Hãy cho biết khái niệm biên giới quốc gia của nước CHXHCNVN? - GV: Biên giới quốc gia gồm những đường biên giới nào? -GV: Biên giới quốc gia trên biển: Được hoạch định và đánh dấu bằng các tọa độ trên hải đồ (là ranh giới phía ngoài lãnh hải của đất liền, lãnh hải đảo, lãnh hải của quần đảo của VN được xác định theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và các điều ước quốc tế giữ VN và các quốc gia hữu quan).	- Các nhóm/tổ (xem SGK trang 6) thảo luận để hoàn thành bài tập do GV đưa ra. - Đối với câu hỏi này, yêu cầu HS tập trung liệt kê và tìm hiểu các đường biên giới sau: + Biên giới quốc gia trên đất liền + Biên giới quốc gia trên biển + Biên giới quốc gia trong lòng đất. + Biên giới quốc gia trên không	2. Biên giới quốc gia - Khái niệm Biên giới quốc gia: “BGQG nước CHXHCNVN là đường và mặt thẳng đứng theo đường đó để xác định giới hạn lãnh thổ đất liền, các đảo, các quần đảo; trong đó, có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, vùng biển, lòng đất, vùng trời của nước CHXHCNVN”. - Biên giới quốc gia gồm 4 đường biên giới: ❶ Biên giới quốc gia trên đất liền: Được hoạch định và đánh dấu trên thực địa bằng hệ thống mốc quốc gia. ❷ Biên giới quốc gia trên biển: Được hoạch định và đánh dấu bằng các tọa độ trên hải đồ. ❸ Biên giới quốc gia trong lòng đất: Là mặt phẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển xuống lòng đất. ❹ Biên giới quốc gia trên không: Là mặt phẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển lên vùng trời.
- GV: Em hiểu như thế nào về khu vực biên giới?	- Đối với câu hỏi này, yêu cầu HS tập trung liệt kê và tìm hiểu 3 khu vực biên giới sau: + Khu vực biên giới trên đất liền	3. Khu vực biên giới - Khu vực biên giới trên đất liền: Gồm xã, phường, thị trấn có một phần địa giới hành chính trùng hợp với biên giới quốc gia trên đất liền. - Khu vực biên giới trên biển: Là tính từ biên giới quốc gia trên biển

	+ Khu vực biên giới quốc gia trên biển + Khu vực biên giới trên không	vào hết địa chính xã, phường, thị trấn giáp biển và đảo và quần đảo. - Khu vực biên giới trên không: Gồm phần không gian dọc biên giới quốc gia, có chiều rộng 10 km tính từ biên giới quốc gia trở vào.
- GV: <i>Hãy cho biết những hành vi nghiêm cấm tại khu vực BGQG?</i> 4 Kết luận, nhận định - GV nhận xét các thảo luận của HS và kết luận vấn đề.	- Các nhóm/tổ (xem SGK trang 7) thảo luận để hoàn thành bài tập do GV đưa ra. 3 Báo cáo, thảo luận. - Sau khi thảo luận, các nhóm/tổ cử đại diện phát biểu theo yêu cầu của GV	4. Các hành vi nghiêm cấm - Xê dịch, phá hoại mốc quốc gia; làm sai lệch, chệch hướng đi của đường BGQG; làm thay đổi dòng chảy tự nhiên của sông, suối biên giới; gây hư hại mốc quốc gia. - Phá hoại an ninh, trật tự, ATXH ở khu vực biên giới; xâm canh, xâm cư ở khu vực biên giới; phá hoại c/trình biên giới. - Làm cạn kiệt nguồn nước, gây ngập úng, gây ô nhiễm môi trường, xâm phạm tài nguyên thiên nhiên và lợi ích quốc gia. - Qua lại trái phép biên giới quốc gia; vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ, vũ khí, ma túy... - Bay vào khu vực cấm bay; bắn, phóng, thả, đưa qua BGQG trên không phương tiện bay, vật thể bay ... - Các hành vi khác vi phạm pháp luật về BGQG.
Hoạt động 3: Luyện tập		
1. Mục tiêu: - HS củng cố kiến thức đã học thông các câu hỏi luyện tập. 2. Nội dung: - Trả lời các câu hỏi (trắc nghiệm) liên quan đến bài học.		
Hoạt động dạy & học		Dự kiến sản phẩm
Giáo viên	Học sinh	
1 Chuyển giao n/vụ học tập - GV ra các câu hỏi (trắc nghiệm) để HS	2 Thực hiện n/vụ học tập - Các nhóm/tổ thảo	- Đáp án: + Câu 2: A + Câu 6: A

thảo luận, trả lời. + (Câu 2, 6, 10 file kèm theo ở phần ghi chú) 4 Kết luận, nhận định - GV nhận xét các thảo luận của HS và kết luận vấn đề.	luận các câu hỏi do GV đề ra, sau đó đưa ra đáp án. 3 Báo cáo, thảo luận. - Sau khi thảo luận, các nhóm/tổ cử đại diện phát biểu theo yêu cầu của GV	+ Câu 10: A
--	---	-------------

Hoạt động 4: Vận dụng

1. Mục tiêu:

- Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống thực tiễn liên quan đến **chủ quyền và an ninh biên giới quốc gia**.
- Tạo bài đăng hoặc video số thể hiện thông điệp trách nhiệm của học sinh trong việc chấp hành pháp luật và bảo vệ chủ quyền biên giới. (2.3.NC1a)
- **Nhận biết và phân loại được các rủi ro hoặc sự cố liên quan đến việc sử dụng AI (như công nghệ Deepfake) có thể dẫn đến vi phạm quy định pháp luật và an ninh quốc gia.** (11.B2.1)

2. Nội dung:

- Trả lời các câu hỏi (trắc nghiệm) liên quan đến bài học.

Hoạt động dạy & học		Dự kiến sản phẩm
Giáo viên	Học sinh	
1 Chuyển giao n/vụ học tập - GV ra các câu hỏi (trắc nghiệm) để HS thảo luận, trả lời. + (Câu 15, 16 và 35 file kèm theo ở phần ghi chú) 4 Kết luận, nhận định - GV nhận xét các thảo luận của HS và kết luận vấn đề. - GV ứng dụng công cụ tạo câu hỏi tương tác trực tuyến như Kahoot, Quizizz để giao bài tập củng cố kiến thức trọng tâm cho học sinh.	2 Thực hiện n/vụ học tập - Các nhóm/tổ thảo luận các câu hỏi do GV đề ra, sau đó đưa ra đáp án. 3 Báo cáo, thảo luận. - Sau khi thảo luận, các nhóm/tổ cử đại diện phát biểu theo yêu cầu của GV - GV hướng dẫn HS quay một đoạn video ngắn hoặc tạo một bài đăng trên mạng xã hội (giả định) để thể hiện cách khuyên bạn	- Đáp án: + Câu 15: A + Câu 16: A + Câu 35: A

(5.3.NC1a)	trong tình huống đã cho, qua đó nâng cao ý thức trách nhiệm công dân số. (2.3.NC1a)	
------------	--	--

D. RÚT KINH NGHIỆM.

1. Kết quả đạt được:
 2. Hạn chế, tồn tại:
- * Ghi chú:

KẾ HOẠCH SỐ 2 (Tiết PPCT 2)

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

- HS hiểu được một số nội dung Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và Luật Biển VN.
- HS biết được trách nhiệm của mỗi công dân trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia của nước CHXHCNVN

2. Về năng lực

Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp

- Năng lực số:
- Sử dụng thành thạo các công cụ tìm kiếm Google để khai thác văn bản pháp luật về biển đảo trên các cổng thông tin chính thống của Chính phủ và Bộ Ngoại giao. (1.1.NC1b)
- Phân tích và đánh giá được độ tin cậy của các nguồn tin về chủ quyền biên giới trên không gian mạng thông qua việc đối chiếu với các trang web chính thống. (1.2.NC1a)
- Biết cách chia sẻ, lan tỏa thông tin chính thống về chủ quyền biển đảo Việt Nam qua các nền tảng số Facebook, Zalo một cách trách nhiệm và có ý thức pháp luật. (2.2.NC1a)
- Tạo lập được các sản phẩm nội dung số đơn giản như infographic trên Canva hoặc bài trình chiếu PowerPoint để tuyên truyền về Luật biển Việt Nam. (3.1.NC1a)
- Năng lực trí tuệ nhân tạo (AI):
- 11.A1.1 Xây dựng được quy trình sử dụng một sản phẩm AI cụ thể một cách thích hợp khi sử dụng ChatGPT để tóm tắt văn bản pháp luật nhưng luôn có ý thức kiểm chứng lại thông tin từ nguồn chính thống.
- 11.B2.1 Nhận biết và phân loại được các rủi ro hoặc sự cố liên quan đến việc sử dụng AI có thể dẫn đến vi phạm quy định của nhà trường hoặc các văn bản pháp luật liên quan đến sử dụng công nghệ thông tin, nhận diện các rủi ro từ công nghệ AI (như Deepfake, tin giả do AI tạo ra) trong việc xuyên tạc chủ quyền quốc gia.
- Năng lực chuyên biệt:
- Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc

3. Về phẩm chất

- Thông qua bài học, HS hiểu và có trách nhiệm với việc bảo vệ Tổ quốc VNXHCN.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên: Giáo án, các tư liệu liên quan bài học.
2. Đối với học sinh: Sách, vở, viết

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Khởi động

1. Mục tiêu: - HS biết được những mảnh đất thiêng liêng của Tổ quốc ở giữa ngàn khơi. - HS tìm hiểu về chủ quyền lãnh thổ quốc gia và các nội dung cơ bản của UNCLOS 1982, Luật Biển Việt Nam, kết hợp ứng dụng AI an toàn.		
2. Nội dung: - Xem hình (1.4 – SGK trang 7), đảo Song Tử Tây thuộc quần đảo nào của Việt Nam?		
Hoạt động dạy & học		Dự kiến sản phẩm
Giáo viên	Học sinh	
1 Chuyển giao n/vụ học tập - GV biên chế lớp thành 4 nhóm/tổ để sinh hoạt, thảo luận, phát biểu theo nhóm/tổ. - - Câu 1: Xem hình (1.4 – SGK trang 7), đảo Song Tử Tây thuộc quần đảo nào của Việt Nam? 4 Kết luận, nhận định - GV nhận xét các thảo luận của HS và kết luận vấn đề.	2 Thực hiện n/vụ học tập - Các nhóm trưởng chỉ huy nhóm/tổ sinh hoạt theo từng chủ đề GV đưa ra. 3 Báo cáo, thảo luận. - Sau khi thảo luận, các nhóm/tổ cử đại diện phát biểu theo yêu cầu của GV	- Sau khi thảo luận và phát biểu ý kiến của nhóm/tổ, GV  nhận xét và kết luận các vấn đề; HS hiểu nội dung (câu hỏi) bài học. Câu 1: Quần đảo Trường Sa
Hoạt động 2: Khám phá		
1. Mục tiêu: - HS hiểu một số nội dung Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và Luật Biển VN. - HS biết được trách nhiệm của mỗi công dân trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia nước CNXHCNVN.		
2. Nội dung: - Một số nội dung Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và Luật Biển VN. - Trách nhiệm trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia nước CNXHCNVN.		
Hoạt động dạy & học		Dự kiến sản phẩm
Giáo viên	Học sinh	
1 Chuyển giao n/vụ học tập -GV hướng dẫn HS sử dụng một công cụ AI (như ChatGPT hoặc Bing AI) để tóm tắt nhanh các	2 Thực hiện n/vụ học tập	III. Một số nội dung Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và Luật Biển VN.

nội dung chính của UNCLOS 1982, sau đó yêu cầu HS đối chiếu với văn bản gốc để đảm bảo tính chính xác và nhận diện các rủi ro từ tin giả do AI tạo ra. (11.A1.1, 11.B2.1)

Công ước Liên Hợp Quốc về Luật biển

Ngày kí	10 tháng 12 năm 1982
Nơi kí	Montego Bay, Jamaica
Ngày đưa vào hiệu lực	16 tháng 11 năm 1994 ^[1]
Điều kiện	60 quốc gia phê chuẩn
Bên kí	157 ^[2]
Bên tham gia	168 ^{[2][3]}
Người gửi lưu giữ	Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc
Ngôn ngữ	Tiếng Ả Rập, Tiếng Trung, tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Nga, và Tiếng Tây Ban Nha

- GV: Hãy cho biết Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 có hiệu lực vào thời gian nào?

- GV: Hãy cho biết Nghị quyết của Quốc hội phê chuẩn Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 đã khẳng định những điều gì?

- Các nhóm/tổ (xem SGK trang 7) thảo luận để hoàn thành bài tập do GV đưa ra.

- HS sử dụng kỹ thuật tìm kiếm nâng cao (filetype:pdf, site:gov.vn) để sưu tầm các tư liệu, hình ảnh và câu chuyện về các anh hùng biên giới từ các nguồn lưu trữ số chính thống của Bảo tàng Lịch sử Quân sự hoặc báo Quân đội Nhân dân. (1.1.NC1b)

1. Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982

- Được công bố ngày 10/12/1982 và chính thức có hiệu lực từ ngày 16/11/1994, gồm 17 phần, 320 điều và 9 phụ lục.

- Ngày 23/6/1994, Quốc hội nước CHXHCNVN khóa IX đã thông qua Nghị quyết và phê chuẩn Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982.

- Trong Nghị quyết, Quốc hội khẳng định chủ quyền của VN đối với nội thủy, lãnh hải, quyền chủ quyền, quyền tài phán đối với vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của VN trên cơ sở các quy định của Công ước và các nguyên tắc của luật pháp quốc tế, yêu cầu các nước tôn trọng các quyền nói trên của VN. Ngoài ra, Nghị quyết cũng khẳng định chủ quyền của nước CHXHCNVN đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

- Đồng thời Quốc hội chủ trương nhất quán giải quyết các tranh chấp, bất đồng trên biển bằng biện pháp hòa bình, trên tinh thần bình đẳng, hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau, tôn trọng luật pháp quốc tế, đặc biệt là Công ước 1982.

- GV: Giới thiệu Luật Biển Việt Nam được Quốc Hội thông qua ngày 21/6/2012. Luật gồm 7 chương, 55 điều, có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2013. - GV: Luật Biển VN quy định những gì? - GV: Vùng biển Việt nam bao gồm những vùng nào? + GV: Thế nào là vùng biển quốc tế? + GV: Đường cơ sở nhằm để làm gì? + GV: Hãy cho biết khái niệm về nội thủy? + GV: Hãy cho biết khái niệm về lãnh hải? + GV: Hãy cho biết khái niệm vùng tiếp giáp lãnh hải? + GV: Hãy cho biết khái niệm vùng đặc quyền kinh tế? + GV: Hãy cho biết khái niệm thềm lục địa?	- Các nhóm/tổ (xem SGK trang 6) thảo luận để hoàn thành bài tập do GV đưa ra. - HS sử dụng thiết bị số truy cập Cổng thông tin điện tử Chính phủ hoặc trang web của Bộ Ngoại giao để tra cứu toàn văn Công ước UNCLOS 1982 và Luật Biển Việt Nam 2012, kết hợp dùng AI tóm tắt nội dung dưới sự hướng dẫn của giáo viên. (1.1.NC1b) - Đối với những câu hỏi này, yêu cầu HS tập trung đưa ra các khái niệm ...	2. Luật Biển Việt Nam. - Luật Biển VN quy định về đường cơ sở, nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa, các đảo, quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa và quần đảo khác thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của VN; hoạt động trong vùng biển VN; phát triển kinh tế biển; quản lý và bảo vệ biển, đảo. - Một số nội dung của Luật Biển VN: + Vùng biển Việt Nam: Bao gồm nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của VN. + Vùng biển quốc tế: Là tất cả các vùng biển nằm ngoài vùng đặc quyền kinh tế của VN và các quốc gia khác, nhưng không bao gồm đáy biển và lòng đất dưới đáy biển. + Đường cơ sở: Dùng để tính chiều rộng lãnh hải VN là đường cơ sở thẳng đã được Chính phủ công bố. + Nội thủy: Là vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở và là bộ phận lãnh thổ VN. + Lãnh hải: Là vùng biển có chiều rộng 12 hải lý tính từ
--	---	---

+ GV: *Hãy cho biết khái niệm đảo và quần đảo?*



đường cơ sở ra phía biển. Ranh giới ngoài của lãnh hải là biên giới quốc gia trên biển của VN.

+ Vùng tiếp giáp lãnh hải: Là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải VN, có chiều rộng 12 hải lý tính từ ranh giới ngoài của lãnh hải.

+ Vùng đặc quyền kinh tế: Là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải VN, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở.

+ Thềm lục địa: Là vùng đáy biển và lòng đất dưới đáy biển, tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải VN, trên toàn bộ phần kéo dài tự nhiên của lãnh thổ đất liền, các đảo và quần đảo của VN cho đến mép ngoài của rìa lục địa. Ranh giới ngoài thềm lục địa cách đường cơ sở không quá 350 hải lý.

+ Đảo: Là vùng đất tự nhiên có nước bao bọc, khi thủy triều lên vùng đất này vẫn ở trên mặt nước.

+ Quần đảo: Là một tập hợp các đảo, bao gồm cả bộ phận của các đảo, vùng nước tiếp liền và các thành phần tự nhiên khác có liên quan chặt chẽ với nhau.

-GV hướng dẫn HS sử dụng các ứng dụng thiết kế đồ họa cơ bản (như Canva) để chuyển đổi các

- Các nhóm/tổ

IV. Trách nhiệm trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia nước CNXHCNVN.

<u>kiến thức về "Các hành vi bị nghiêm cấm" thành một Infographic sinh động và lập phác thảo nội dung tuyên truyền về chủ quyền biển đảo trên mạng xã hội (Facebook/Zalo) đảm bảo tính chính xác và văn hóa mạng.</u> (3.1.NC1a) -GV hướng dẫn HS <u>sử dụng công nghệ số để nhận diện các trang web giả mạo hoặc thông tin sai lệch về đường biên giới, vùng biển trên bản đồ trực tuyến và thực hiện báo cáo (report) các nội dung vi phạm chủ quyền nhằm thực hiện trách nhiệm công dân.</u> (2.3.NC1a) -GV hướng dẫn HS cách nhận diện các hình ảnh, bản đồ giả mạo được tạo sinh bởi công nghệ AI và phân loại các rủi ro của chúng đối với an ninh quốc gia. (11.B2.1) - GV: <i>Hãy cho biết trách nhiệm của mỗi công dân trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia nước CNXHCNVN?</i>	(xem SGK trang 8) thảo luận để hoàn thành bài tập do GV đưa ra.	1. Trách nhiệm của công dân. - Chủ động học tập, nghiên cứu nắm chắc và ch/hành nghiêm quy định của pháp luật về chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia. - Thường xuyên nêu cao ý thức trong quản lí, xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia. - Cảnh giác trước mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch; kịp thời phát hiện, vạch trần những hành động xâm hại đến chủ quyền lãnh thổ và biên giới quốc gia. - Sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc khi cần.
- GV: <i>Hãy cho biết trách nhiệm của của học sinh trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia nước CNXHCNVN?</i> ④ Kết luận, nhận định - GV nhận xét các thảo luận của	- Các nhóm/tổ (xem SGK trang 8) thảo luận để hoàn thành bài tập do GV đưa ra. - <i>HS thao tác trên phần mềm Canva để sáng tạo Infographic và thực hành thao tác nhận diện, báo cáo</i>	2. Trách nhiệm của học sinh - Tích cực học tập, nâng cao nhận thức pháp luật về chủ quyền lãnh thổ, b/giới quốc gia. - Không làm những việc ảnh hưởng đến chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia. - Tự giác tham gia các hoạt động tìm hiểu, tuyên truyền về chủ quyền lãnh thổ, biên

HS và kết luận vấn đề.	<i>vi phạm trên bản đồ trực tuyến. (3.1.NC1a)</i> ❸ Báo cáo, thảo luận. - Sau khi thảo luận, các nhóm/tổ cử đại diện phát biểu theo yêu cầu của GV	giới quốc gia, biển, đảo do Nhà trường, địa phương phát động. - Khi phát hiện những hành vi xâm phạm chủ quyền biên giới quốc gia cần có biện pháp ngăn chặn phù hợp và báo cáo với Nhà trường, địa phương.
------------------------	---	---

Hoạt động 3: Luyện tập

1. Mục tiêu:

- HS củng cố kiến thức đã học thông các câu hỏi luyện tập.
- Củng cố kiến thức, giúp HS luyện tập, hệ thống hóa các kiến thức đã học về pháp luật chủ quyền biên giới, biển đảo.
- Đánh giá và kiểm tra tính xác thực, độ tin cậy của thông tin liên quan đến biên giới quốc gia thu thập trên môi trường mạng. (1.2.NC1a)
- *Nhận biết và phân loại được các rủi ro liên quan đến việc sử dụng công nghệ AI (như video Deepfake giả mạo phát ngôn về biên giới quốc gia) có thể dẫn đến vi phạm quy định pháp luật và đề xuất các biện pháp phòng tránh. (11.B2.1)*

2. Nội dung:

- Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học.

Hoạt động dạy & học		Dự kiến sản phẩm
Giáo viên	Học sinh	
❶ Chuyển giao n/vụ học tập - GV ra các câu hỏi (trắc nghiệm) để HS thảo luận, trả lời. + (Câu 19, 25 và 34 file kèm theo ở phần ghi chú) - GV đưa ra một tình huống thực tế về video Deepfake do công nghệ AI giả mạo phát ngôn của lãnh đạo về vấn đề biên giới và yêu cầu HS thảo luận để phân loại rủi ro khi sử dụng/tiếp nhận	❷ Thực hiện n/vụ học tập - Các nhóm/tổ thảo luận các câu hỏi do GV đề ra, sau đó đưa ra đáp án. - HS suy nghĩ, làm việc cá nhân và thảo luận nhóm về tình huống Deepfake AI.	- Đáp án: + Câu 19: A + Câu 25: A + Câu 33: D

thông tin từ AI và đề xuất các biện pháp phòng tránh rủi ro vi phạm pháp luật. (11.B2.1) ④ <i>Kết luận, nhận định</i> - GV nhận xét các thảo luận của HS và kết luận vấn đề.	- HS thực hành <u>đánh giá độ tin cậy và kiểm tra tính xác thực của thông tin số, tìm kiếm nguồn xác thực từ các trang thông tin chính thống trước khi đưa ra nhận định.</u> (1.2.NC1a) ③ <i>Báo cáo, thảo luận.</i> - Sau khi thảo luận, các nhóm/tổ cử đại diện phát biểu theo yêu cầu của GV	
Hoạt động 4: Vận dụng		
1. Mục tiêu: - HS vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống. - <u>Sử dụng công nghệ số để chia sẻ thông tin và nội dung tuyên truyền về chủ quyền biên giới quốc gia trên các nền tảng mạng xã hội đảm bảo văn hóa mạng và đúng quy định pháp luật.</u> (2.2.NC1a) 2. Nội dung: - Trả lời các câu hỏi (trắc nghiệm) liên quan đến bài học.		
Hoạt động dạy & học		
Giáo viên ① <i>Chuyển giao n/vụ học tập</i> - GV ra các câu hỏi (trắc nghiệm) để HS thảo luận, trả lời. + (Câu 34 và 36 file kèm theo ở phần ghi chú) - GV hướng dẫn HS <u>chia sẻ nội dung tuyên truyền số này trên các kênh truyền thông của nhà trường, Đoàn thanh niên hoặc trang cá nhân nhằm lan tỏa tinh thần trách nhiệm bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia.</u> (2.2.NC1a)	Học sinh ② <i>Thực hiện n/vụ học tập</i> - Các nhóm/tổ thảo luận các câu hỏi do GV đề ra, sau đó đưa ra đáp án. - Các nhóm HS hoàn thiện sản phẩm ngoài giờ học và tiến hành <u>chia sẻ thông tin số một cách tích cực, an toàn.</u> (2.2.NC1a)	Dự kiến sản phẩm - Đáp án: + Câu 34: D + Câu 36: C

④ Kết luận, nhận định - GV nhận xét các thảo luận của HS và kết luận vấn đề.	③ Báo cáo, thảo luận. - Sau khi thảo luận, các nhóm/tổ cử đại diện phát biểu theo yêu cầu của GV	
---	---	--

D. RÚT KINH NGHIỆM.

1. Kết quả đạt được:

2. Hạn chế, tồn tại:

* Ghi chú: **(Bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia nước CHXHCNVN)**

Câu 1. “Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải có công giữ nước”, Bác Hồ đã nói trong thời gian nào?

A. Ngày 19/9/1954 tại Đền Hùng

B. Ngày 2/9/1945

C. Kêu gọi toàn quốc kháng chiến 19/12/1946

D. Di chúc Bác Hồ

Câu 2. Nội dung cơ bản nào là mục tiêu của chiến lược bảo vệ Tổ quốc VNXHCN?

A. **Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc.**

B. Đảng lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt.

C. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH.

D. Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ: Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Câu 3. Nội dung cơ bản nào **không phải mục tiêu** của chiến lược bảo vệ Tổ quốc VNXHCN?

A. **Đảng lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt.**

B. Bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân, chế độ XHCN, nền văn hóa và lợi ích dân tộc

C. Giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia.

D. Xây dựng xã hội trật tự, kỉ cương, an toàn, lành mạnh để phát triển đất nước theo định hướng XHCN.

Câu 4. Nội dung cơ bản nào là quan điểm của chiến lược bảo vệ Tổ quốc VNXHCN?

A. **Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH.**

B. Bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân, chế độ XHCN, nền văn hóa và lợi ích dân tộc

C. Giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia.

D. Xây dựng xã hội trật tự, kỉ cương, an toàn, lành mạnh để phát triển đất nước theo định hướng XHCN.

Câu 5. Nội dung cơ bản nào **không phải quan điểm** của chiến lược bảo vệ Tổ quốc VNXHCN?

A. **Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc.**

B. Đảng lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt.

C. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH.

D. Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ: Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Câu 6. “Nước CHXHCNVN là một nước độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời”, đó là khái niệm của

- A. Chủ quyền lãnh thổ.**
C. Khu vực biên giới
- B. Biên giới quốc gia.**
D. Vùng đặc quyền kinh tế
- Câu 7.** “BGQG nước CHXHCNVN là đường và mặt thẳng đứng theo đường đó để xác định giới hạn lãnh thổ đất liền, các đảo, các quần đảo; trong đó, có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, vùng biển, lòng đất, vùng trời của nước CHXHCNVN”, đó là khái niệm của
- A. Biên giới quốc gia.**
C. Khu vực biên giới
- B. Chủ quyền lãnh thổ.**
D. Vùng đặc quyền kinh tế
- Câu 8.** Biên giới quốc gia được hoạch định và đánh dấu trên thực địa bằng hệ thống mốc quốc gia, đó là
- A. biên giới quốc gia trên đất liền**
C. biên giới quốc gia trong lòng đất
- B. biên giới quốc gia trên biển.**
D. biên giới quốc gia trên không
- Câu 9.** Biên giới quốc gia được hoạch định và đánh dấu bằng các tọa độ trên hải đồ, đó là
- A. biên giới quốc gia trên biển.**
C. biên giới quốc gia trong lòng đất
- B biên giới quốc gia trên đất liền.**
D. biên giới quốc gia trên không
- Câu 10.** Biên giới quốc gia được xác định bởi “Mặt phẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển xuống lòng đất”, đó là
- A. biên giới quốc gia trong lòng đất.**
C. biên giới quốc gia trên đất liền
- B. biên giới quốc gia trên biển.**
D. biên giới quốc gia trên không
- Câu 11.** Biên giới quốc gia được xác định bởi “Mặt phẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển lên vùng trời”, đó là
- A. biên giới quốc gia trên không**
C. biên giới quốc gia trong lòng đất
- B. biên giới quốc gia trên biển.**
D. biên giới quốc gia trên đất liền
- Câu 12.** Khu vực biên giới mà gồm các xã, phường, thị trấn có một phần địa giới hành chính trùng hợp với biên giới quốc gia trên đất liền, đó là khu vực
- A. biên giới trên đất liền**
C. biên giới trên biển
- B. biên giới trên không**
D. biên giới trên đảo, quần đảo
- Câu 13.** Khu vực biên giới mà được tính từ biên giới quốc gia trên biển vào hết địa chính xã, phường, thị trấn giáp biển và đảo và quần đảo, đó là khu vực
- A. biên giới trên biển**
C. biên giới trên không
- B. biên giới trên đất liền**
D. biên giới trên đảo, quần đảo
- Câu 14.** Khu vực biên giới mà phần không gian dọc biên giới quốc gia, có chiều rộng 10 km tính từ biên giới quốc gia trở vào, đó là khu vực
- A. Biên giới trên không**
C. Biên giới trên biển
- B. Biên giới trên đất liền**
D. Biên giới trên đảo, quần đảo
- Câu 15.** Quần đảo Trường Sa (thuộc tỉnh Khánh Hòa) nằm ở khu vực
- A. biên giới trên biển**
C. biên giới trên không
- B. biên giới trên đất liền**
D. biên giới trên đảo, quần đảo
- Câu 16.** Quần đảo Hoàng Sa (thuộc thành phố Đà Nẵng) nằm ở khu vực
- A. biên giới trên biển**
C. biên giới trên không
- B. biên giới trên đất liền**
D. biên giới trên đảo, quần đảo

Câu 17. Những hành vi nào được xem là làm ảnh hưởng đến biên giới quốc gia:

- A. Xê dịch, phá hoại mốc quốc gia.
- B. chệch hướng đi của đường BGQG.
- C. Làm thay đổi dòng chảy tự nhiên của sông, suối biên giới.
- D. Cả A, B và C đều đúng.**

Câu 18. Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, chính thức có hiệu lực vào thời gian nào?

- A. 1982
- B. 1984
- C. 1992
- D. 1994**

Câu 19. Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, gồm bao nhiêu phần, bao nhiêu điều và bao nhiêu phụ lục?

- A. 17 phần, 320 điều và 9 phụ lục.**
- B. 9 phần, 320 điều và 17 phụ lục.
- C. 17 phần, 329 điều và 2 phụ lục.
- D. 17 phần, 9 điều và 320 phụ lục.

Câu 19. Quốc hội nước CHXHCNVN khóa IX đã thông qua Nghị quyết và phê chuẩn Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và thời gian nào?

- A. 1982
- B. 1984
- C. 1992
- D. 1994**

Câu 20. Luật Biển Việt Nam được Quốc Hội thông qua ngày 21/6/2012, có hiệu lực thi hành vào thời gian nào?

- A. 01/01/2013.**
- B. 01/01/2014.
- C. 01/01/2015.
- D.

01/01/2016.

Câu 21. Luật Biển Việt Nam được Quốc Hội thông qua ngày 21/6/2012, gồm bao nhiêu chương, bao nhiêu điều?

- A. 7 chương, 55 điều**
- B. 5 chương, 55 điều
- C. 7 chương, 57 điều
- D. 5 chương, 57 điều

Câu 22. Vùng biển bao gồm nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của VN, đó là

- A. vùng biển Việt Nam**
- B. vùng biển quốc tế
- C. vùng tiếp giáp lãnh hải
- D. vùng đặc quyền kinh tế

Câu 23. Vùng biển mà tất cả các vùng biển nằm ngoài vùng đặc quyền kinh tế của VN và các quốc gia khác, nhưng không bao gồm đáy biển và lòng đất dưới đáy biển, đó là

- A. vùng biển quốc tế**
- B. vùng biển Việt Nam
- C. vùng tiếp giáp lãnh hải
- D. vùng đặc quyền kinh tế

Câu 24. Đường cơ sở thẳng nhằm để tính

- A. tính chiều rộng lãnh hải**
- B. chiều dài lãnh hải
- C. chu vi lãnh hải
- D. diện tích lãnh hải.

Câu 25. Vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở và là bộ phận lãnh thổ VN, đó là

- A. vùng nội thủy**
- B. vùng lãnh hải
- C. Vùng tiếp giáp lãnh hải
- D. vùng đặc quyền kinh tế

Câu 26. Vùng biển có chiều rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở ra phía biển, ranh giới ngoài của lãnh hải là biên giới quốc gia trên biển của VN, đó là

A. vùng nội thủy

B. vùng lãnh hải

C. Vùng tiếp giáp lãnh hải

D. vùng đặc quyền kinh tế

Câu 27. Vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải VN, có chiều rộng 12 hải lý tính từ ranh giới ngoài của lãnh hải, đó là

A. vùng nội thủy

B. vùng lãnh hải

C. Vùng tiếp giáp lãnh hải

D. vùng đặc quyền kinh tế

Câu 28. Vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải VN, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở, đó là

A. vùng nội thủy

B. vùng lãnh hải

C. Vùng tiếp giáp lãnh hải

D. vùng đặc quyền kinh tế

Câu 29. Là vùng đáy biển và lòng đất dưới đáy biển, tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải VN, trên toàn bộ phần kéo dài tự nhiên của lãnh thổ đất liền, các đảo và quần đảo của VN cho đến mép ngoài của rìa lục địa. Ranh giới ngoài thêm lục địa cách đường cơ sở không quá 350 hải lý, đó là

A. Thềm lục địa

B. vùng lãnh hải

C. Vùng tiếp giáp lãnh hải

D. vùng đặc quyền kinh tế.

Câu 30. Vùng đất tự nhiên có nước bao bọc, khi thủy triều lên vùng đất này vẫn ở trên mặt nước, đó là

A. đảo

B. nội thủy

C. lãnh hải

D. Thềm lục địa

Câu 31. Là một tập hợp các đảo, bao gồm cả bộ phận của các đảo, vùng nước tiếp liền và các thành phần tự nhiên khác có liên quan chặt chẽ với nhau, đó là

A. quần đảo

B. nội thủy

C. lãnh hải

D. Thềm lục địa

Câu 32. Trách nhiệm của công dân trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia nước CNXHCNVN là:

A. Cảnh giác trước mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch phá hoại biên giới quốc gia

B. Kịp thời phát hiện, vạch trần những hành động xâm hại đến chủ quyền lãnh thổ và biên giới quốc gia.

C. Sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc khi cần.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 33. Trách nhiệm của công dân trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia nước CNXHCNVN là:

A. Chủ động học tập, nghiên cứu nắm chắc và chấp hành nghiêm quy định của pháp luật về chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.

B. Thường xuyên nêu cao ý thức trong quản lý, xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.

C. Sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc khi cần.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 34. Trách nhiệm của học sinh trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia nước CNXHCNVN là:

A. Tích cực học tập, nâng cao nhận thức pháp luật về chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.

B. Không làm những việc ảnh hưởng đến chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.

C. Tự giác tham gia các hoạt động tìm hiểu, tuyên truyền về chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia, biển, đảo do Nhà trường, địa phương phát động.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 35. “Ơi ánh mắt em yêu như biển xanh, như trời xanh trong nắng mới

Nhớ cả dáng hình em mùa gặt nặng đôi vai

Sóng ru mối tình đời thủy thủ càng thêm vui

Đây con tàu xa khơi, đây con tàu xa khơi”

Đây là trích đoạn của bài hát

A. Nơi đảo xa

B. Gần lắm Trường Sa

C. Biển hát chiều nay

D. Trên biển quê hương

Câu 36. “Ơi biển Việt Nam, ời sóng Việt nam

Qua bao nhiêu thăng trầm mà chiều nay vẫn dịu dàng

Vùi sâu dưới đáy những gì đau thương

Biển lại hát tình ca, biển kể chuyện quê hương”

Đây là trích đoạn của bài hát

A. Nơi đảo xa

B. Gần lắm Trường Sa

C. Biển hát chiều nay

D. Trên biển quê hương